

UBND TỈNH NINH BÌNH  
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU  
CÔNG NGHIỆP

Số: 07 /BQL - TB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 23 tháng 01 năm 2019

### THÔNG BÁO

Kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy đúc thép công nghệ cao Ninh Bình” của Công ty Cổ phần Cơ khí Moon Group tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình

Kính gửi: Công ty Cổ phần cơ khí Moon Group

Sau khi nhận hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án “Nhà máy đúc thép công nghệ cao Ninh Bình” của Công ty Cổ phần Cơ khí Moon Group tại KCN Khánh Phú, Ban Quản lý các KCN đã ban hành Quyết định số 13/QĐ-BQL ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Trưởng Ban Quản lý các KCN về việc thành lập hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM của Dự án.

Ngày 22/01/2019, Hội đồng thẩm định đã tổ chức họp tại Ban Quản lý các KCN và nhất trí thông qua Báo cáo ĐTM của Dự án với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng.

Ban Quản lý các khu công nghiệp thông báo và đề nghị Công ty hoàn thiện chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo ĐTM và gửi hồ sơ báo cáo ĐTM đã chỉnh sửa về Ban Quản lý các khu công nghiệp để xem xét, phê duyệt. /

(Gửi kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 22/01/2019)

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
  - Đ/c Trưởng Ban;
  - Đ/c PTB Trần Đức Cường;
  - Phòng: QLTN&MT;
  - Lưu VP.
- TC-03

KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN



Trần Đức Cường

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BIÊN BẢN PHIÊN HỌP CHÍNH THỨC HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH  
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Tên dự án: Nhà máy đúc thép công nghệ cao Ninh Bình

Quyết định thành lập hội đồng thẩm định: Quyết định số 13/QĐ-BQL ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình.

Thời gian họp: Từ 14 giờ đến 16 giờ ngày 22 tháng 01 năm 2019.

Địa chỉ nơi họp: Ban Quản lý các KCN tỉnh Ninh Bình – Số 201 Lê Hồng Phong, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình.

**1. Thành phần tham dự phiên họp:**

1.1. Hội đồng thẩm định

- Thành viên có mặt: 9/9.

- Thành viên vắng mặt: Không

1.2. Chủ dự án: Công ty Cổ phần cơ khí Moon Group.

Đại diện: Ông Nguyễn Ngọc Thắng – Phó Giám đốc.

Ông Nguyễn Tuấn Tùng – Cán bộ

1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường: Viện môi trường và phát triển bền vững

Đại diện: Ông Phạm Tiến Dũng – Trưởng ban tư vấn và xử lý.

Bà Phạm Thị Phương Loan – Cán bộ

1.4. Công ty PTHT khu công nghiệp:

Đại diện: Ông Phạm Đại Dương – Phó giám đốc

**2. Nội dung và diễn biến phiên họp:**

2.1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Ủy viên thư ký: thay mặt Thường trực Hội đồng, tuyên bố lý do, thông qua chương trình Hội nghị và công bố Quyết định số 13/QĐ-BQL ngày 17/01/2019 của Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp về việc thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án “Nhà máy đúc thép công nghệ cao Ninh Bình” của Công ty Cổ phần Cơ khí Moon Goup tại Khu công nghiệp Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

2.2. Ông Trần Đức Cường, Phó Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Chủ tịch Hội đồng chủ trì, điều hành Hội nghị.

2.3. Chủ dự án trình bày nội dung báo cáo ĐTM:

Bà Phạm Thị Phương Loan – Cán bộ Viện môi trường và phát triển bền vững, thay mặt Chủ Dự án trình bày tóm tắt báo cáo ĐTM của Dự án “Nhà máy



đúc thép công nghệ cao Ninh Bình” của Công ty Cổ phần Cơ khí Moon Goup tại Khu công nghiệp Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

**\* Nội dung Dự án**

Dự án “Nhà máy đúc thép công nghệ cao Ninh Bình” của Công ty Cổ phần Cơ khí Moon Goup tại Khu công nghiệp Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình có diện tích đất sử dụng 60.000 m<sup>2</sup>, tổng mức đầu tư của dự án 445.946.000.000 đồng trong đó kinh phí bảo vệ môi trường là 5.000.000.000 đồng, tổng số lao động dự kiến sử dụng là 180 người.

**\* Đánh giá tác động môi trường**

**- Giai đoạn thi công xây dựng**

+ Nước thải: Trong quá trình xây dựng nguồn gây ô nhiễm nước chủ yếu phát sinh gồm: nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 5 m<sup>3</sup>/ngày; nước mưa chảy tràn trên khu vực xây dựng hạng mục mới của dự án đối với môi trường xung quanh; nước thải trong quá trình thi công xây dựng chủ yếu từ các giếng nước ngầm nhân tạo, nước bùn thải khi thi công móng cọc, nước thải trong quá trình bảo dưỡng bê tông, nước thải từ thiết bị thí nghiệm thủy lực .

+ Chất thải rắn phát sinh trong quá trình xây dựng bao gồm đất, cát sỏi rơi vãi, xi măng, vôi vữa, cốp pha...; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 15 kg/ngày.

+ Chất thải nguy hại bao gồm các loại giẻ lau dính dầu mỡ, các loại dầu mỡ rơi rớt trong giai đoạn thi công .

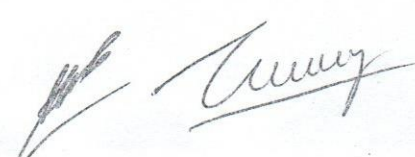
+ Khí thải, bụi: Trong quá trình xây dựng dự án nguồn chính phát sinh khí thải, bụi là do các hoạt động san lấp, xây dựng các công trình và các hoạt động vận chuyển nguyên liệu xây dựng, máy móc thiết bị, bao gồm: Bụi sinh ra do khuếch tán theo các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; bụi phát sinh từ các hoạt động xây dựng; bụi khí thải phát sinh từ phương tiện thi công; khí thải từ các công đoạn hàn.

+ Tiếng ồn, độ rung: Quá trình hoạt động của máy móc thiết bị thi công và của các xe vận chuyển đất cát, nguyên vật liệu xây dựng làm phát sinh ra tiếng ồn. Rung động trong quá trình thi công chủ yếu là sự hoạt động của các loại máy móc thi công như máy xúc, xe ủi.

**- Trong giai đoạn vận hành của Dự án**

+ Tác động đến môi trường không khí: bụi, mùi, khí ô nhiễm, hơi dung môi phát sinh từ phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông ra vào, máy phát điện, từ các quy trình sản xuất của Nhà máy, từ khu vực lưu giữ chất thải rắn, khu vực xử lý nước thải, khu vực nhà ăn...

+ Tác động đến môi trường nước: Bao gồm nước thải sinh hoạt ước tính khoảng 8,1 m<sup>3</sup>/ngày đêm; nước mưa chảy tràn và nước để làm mát khuôn đúc.





+ Chất thải rắn gồm: chất thải rắn sinh hoạt của 180 lao động ước tính khoảng 90 kg/ngày; chất thải rắn từ quá trình sản xuất đúc. 760.640 kg/năm gồm bao bì cát tông, đầu mẫu, vẩy sắt thừa, xỉ thải từ lò nấu, cát silic thải.

+ Chất thải nguy hại phát sinh bao gồm: bao bì chứa CTNH, chứa hóa chất, bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu nhớt, hộp mực in, pin, ắc quy thải, thiết bị điện tử phế thải, rác thải y tế, cặn sơn thải, bao bì cứng thải bằng kim loại... ước tính khối lượng chất thải rắn loại này phát sinh 6.117 kg/năm.

Các sự cố, rủi ro, trong đó vấn đề tai nạn lao động, cháy nổ, chập điện, hư hỏng điện, sự cố của hệ thống xử lý nước thải... có thể xảy ra trong quá trình hoạt động và dẫn tới các thiệt hại.

### **\* Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường**

- Trong giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải: Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân được thu gom xử lý tại hệ thống xử lý nước thải hiện có của Nhà máy; Đối với nước mưa chảy tràn: Chủ đầu tư ưu tiên xây dựng mạng lưới thoát nước xây dựng, cống thoát nước mưa bằng bê tông cốt thép đảm bảo thoát nước tốt, có hệ thống hố ga thu gom và được thực hiện nạo vét định kỳ, đảm bảo thoát nước nhanh chóng khi cần thiết và không gây ngập úng.

+ Chất thải rắn và chất thải nguy hại: Được thu gom, phân loại và bố trí chỗ lưu giữ bảo quản, ký hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thu gom xử lý.

+ Khí thải, bụi: Để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải, bụi trong quá trình thi công chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu thi công có kế hoạch thi công hợp lý, áp dụng các biện pháp tiên tiến, xe vận chuyển vật liệu phải đúng trọng tải và che bạt theo quy định, thực hiện phun nước thường xuyên trên mặt bằng công trường nhằm hạn chế bụi, đất cát theo gió phát tán vào không khí.

+ Tiếng ồn, độ rung: Khu vực thi công ở xa dân cư nên sẽ không gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của dân cư lân cận, chủ yếu là ảnh hưởng đến người lao động trực tiếp tại nhà máy. Chủ dự án quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động, máy móc gây ra tiếng ồn, rung chỉ làm việc ban ngày, không làm việc từ 22h đến 6h sáng. Nhìn chung, các chỉ tiêu tiếng ồn, rung đều nằm trong phạm vi quy chuẩn cho phép.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Khí thải: Công ty lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi và khí thải xử lý khí thải lò nấu. Ngoài ra trong quá trình hoạt động Công ty sẽ áp dụng bổ sung một số giải pháp như: Trang bị các quạt công nghiệp và quạt thông gió gắn trên mái nhà để giúp lưu thông không khí trong nhà xưởng.

+ Nước thải: Hệ thống thoát nước mưa và nước thải được xây dựng riêng biệt. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đưa về hệ thống xử lý chung của nhà máy. Nước thải được xử lý đạt quy chuẩn cột B-QCVN 14:2008/BTNMT trước khi được đầu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập



trung của KCN Khánh Phú (Nhà máy xử lý nước thải Thành Nam); Nước mưa chảy tràn được thu gom qua bo vỉa có song chắn rác trước khi vào hệ thống cống thoát, trên các tuyến cống bố trí các hố ga thu nước dọc đường và từ công trình đưa ra tại các vị trí thuận lợi cho việc thu và thoát nước.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: được thu gom vào các thùng chứa 150L có nắp tại nơi phát sinh như văn phòng, nhà xưởng. Hàng ngày chất thải sinh hoạt được công nhân của dự án thu gom, di chuyển đưa về khu tập trung chất thải rắn với tần suất là 1 lần/ngày. Sau đó, Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý rác theo đúng quy định.

+ Chất thải sản xuất không nguy hại: đối với phân chất thải rắn có khả năng tái chế như bao bì các tông, mẩu sắt... sẽ được chủ dự án thu gom, lưu chứa tại khu vực tập trung chất thải rắn của dự án, sau đó sẽ bán lại cho đơn vị có nhu cầu thu mua, còn các sản phẩm lỗi, hư hỏng Công ty sẽ tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất. Toàn bộ chất thải rắn phát sinh sẽ được đội vệ sinh thu gom, loại và lưu kho. Kho chứa chất thải rắn sản xuất có diện tích 250 m<sup>2</sup>.

+ *Chất thải nguy hại: được thu gom, lưu trữ riêng biệt và dán nhãn nguy hại theo từng loại.* Tiến hành lập Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom theo đúng thông tư hướng dẫn về quản lý chất thải nguy hại tại thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### **2.4. Ý kiến nhận xét về báo cáo của các thành viên Hội đồng:**

##### **2.4.1. Ông Quách Mai Hồng, CT Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường, Ủy viên phản biện:**

\* Những nội dung đạt yêu cầu:

Báo cáo ĐTM đã lập theo đúng thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015.

Báo cáo đã mô tả cơ bản nội dung các hạng mục chính của dự án, đã nhận diện và đánh giá tác động của các công đoạn sản xuất đến môi trường phát sinh như bụi, mùi, hơi dung môi, khí độc, nước thải sản xuất ra môi trường xung quanh.

Báo cáo đã đề xuất được các giải pháp phòng ngừa, xử lý các vấn đề môi trường phát sinh, xây dựng được kế hoạch quản lý, giám sát môi trường hậu ĐTM.

Chủ dự án đã cam kết thực hiện tốt những nội dung của báo cáo ĐTM.

\* Những nội dung cần được chỉnh sửa, bổ sung:

- Trang 15, bảng 1.2 xem lại diện tích xây dựng kho chất thải 300 hay 200 m<sup>2</sup>

- Trang 16, Nhà bảo vệ 24 m<sup>2</sup> có nằm trong khu nhà xây dựng đa năng 3 tầng không.

- Nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất lấy từ Công ty cấp nước sạch Thành Nam. Nhà máy có bể chứa nước không? Bổ sung hạng mục xây dựng bể chứa



nước không? Bổ sung hạng mục xây dựng bể chứa nước cho sinh hoạt, sản xuất và PCCC.

- Thoát nước thải trực tiếp vào hệ thống rãnh thoát nước của KCN và về trạm xử lý nước thải tập trung KCN Khánh Phú để xử lý; khẳng định nước bổ sung làm mát lò là  $2 \text{ m}^3/\text{ngày}$  trang 29 hay  $20 \text{ m}^3/\text{ngày}$  trang 80, được tuần hoàn tái sử dụng; còn nước cấp cho quá trình làm khuôn đúc  $24 \text{ m}^3/\text{ngày}$  thì không có nước thải.

- Trang 29, bảng 1.6. nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, cần được bổ sung cột mục nguồn cung cấp, làm rõ mục đích sử dụng một số nguyên liệu như: Chủng loại phế liệu 30,3 tấn/ngày, cát nhựa ...vv? Có sử dụng phụ gia như Magie không?

- Bổ sung hóa chất xử lý nước thải sinh hoạt và nguyên liệu bếp ăn cho 180 người công nhân, lao động nhà máy?

- Về công nghệ sản xuất chủ yếu trên hai dây truyền công nghệ: Đúc thép và sản xuất kết cấu thép; cần mô tả cụ thể lò điện trung tần công suất mẽ, bố trí bao nhiêu lò điện, vị trí lắp đặt thiết bị chính. Các thiết bị xử lý bụi, khí độc hại lò điện trung tần;

- Có 01 cán bộ QLMT của nhà máy phải được biên chế vào phòng chức năng như phòng kỹ thuật, kinh doanh chẳng hạn? Nằm trong biên chế 150 người hay ngoài 150 người (trang 32).

- Bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường của BTNMT cấp cho Công ty CP Liên minh môi trường và xây dựng theo quy định;

- Xem lại mẫu phân tích môi trường nền khu vực thực hiện dự án đã đầy đủ theo quy định chưa? (Chỉ có 02 mẫu: mẫu không khí xung quanh và mẫu đất).

- Trong giai đoạn xây dựng nhà máy, ô nhiễm không khí là chính, bụi, tiếng ồn, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc hoạt động thì công các hạng mục công trình nhà máy:

- Giai đoạn nhà máy đi vào hoạt động, ô nhiễm chính là ở dây chuyền đúc kim loại:

+ Bụi cát, nguyên liệu từ công đoạn trộn, sản xuất khuôn, làm sạch sản phẩm...vv

+ Nhiệt khói bụi, mùi khí thải độc hại, Oxid MgO, Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, Hơi kim loại, asen, crom, halogen hydrocarbon...phát sinh ở công đoạn nấu luyện lò cảm ứng trung tần nhiệt độ cao, rót khuôn, phá khuôn...vv

- Trang 78,79,80 về nước thải cần xử lý được dự báo như sau:

+ Nước thải sinh hoạt dự báo: từ bồn cầu, tắm giặt, bếp ăn là  $12,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm

+ Có nước thải công nghiệp như công nhân rửa chân tay dính bụi, dầu mỡ cặn trước khi ra khỏi xưởng SX, nước vệ sinh công nghiệp xưởng

- Chất thải rắn công nghiệp và CTNH cũng tương đối nhiều



- Sự cố hỏa hoạn chất nổ, ngộ độc khí lò luyện trung tần, bỏng chân tay, mắt...vv xảy ra đối với nhà máy Đúc kim loại có nguy cơ tiềm ẩn cao.

- Biện pháp quản lý các phương tiện vận chuyển đất đá, vật liệu xây dựng trên các tuyến đường qua khu dân cư được tổ chức quản lý có sự tham gia của chính quyền địa phương và công an khu vực;

- Nhà máy có 01 xưởng sản xuất chung 38.400 m<sup>2</sup> sàn, do vậy cần cụ thể các hạng mục bằng sơ đồ vị trí lắp đặt máy móc, thiết bị trong xưởng; Có mấy hệ thống lò điện, theo sau lò luyện là hệ thống chụp hút, quạt... kho chứa nguyên liệu, sản phẩm, đúc khuôn, phá khuôn, sơn hàn, cắt gọt..vv?

- Xử lý bụi, khí thải lò luyện trung tần bằng thiết bị hút gồm chụp hút, quạt hút buồng lọc, ống dẫn và thoát khí, hệ thống lọc bụi túi... cần được xác định đặt ở các vị trí cụ thể?

- Khu vực hàn, vệ sinh bề mặt và sơn các sản phẩm kết cấu thép ở ngoài xưởng hay trong xưởng. vị trí? Biện pháp xử lý bụi, mùi sơn, khói hàn xì?

- Khu xử lý nước thải tập trung nhà máy có công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm có hợp lý không vì với tải lượng dự báo ở chương 1 và chương 3 là 8,1 m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với NTSH và 4,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với nước thải từ nhà bếp, như vậy tổng nước thải phát sinh là 12,6 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Chất thải nguy hại như bùn thải từ bể phản ứng hóa học, bể xử lý sinh học cần được thu gom, quản lý chặt chẽ và xử lý theo đúng quy định;

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa sự cố chập điện cháy nổ, nhiễm độc hơi, bụi kim loại, bỏng nhiệt, tiếng ồn...đối với nhà máy.

\* **Kết luận:** Đồng ý thông qua với điều kiện bổ sung chỉnh sửa.

**2.4.2. Bà Đinh Thị Huyền Nhung, Phó Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Ủy viên phản biện:**

\* Những nội dung đạt yêu cầu:

Bộ cục, nội dung cơ bản theo đúng quy định hiện hành về báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Mô tả tóm tắt được nội dung cơ bản của dự án, đánh giá được hiện trạng môi trường nền khu vực thực hiện dự án.

Nhận diện được các nguồn tác động đến môi trường và đề xuất được một số giải pháp giảm thiểu các tác động trong quá trình thi công và khi hoạt động.

Xây dựng được chương trình quản lý và giám sát môi trường.

\* Những nội dung cần được chỉnh sửa, bổ sung:

\* **Phần mở đầu:**

- Mối quan hệ của dự án với các quy hoạch: Cần bổ sung, làm rõ dự án có nằm trong ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Khánh Phú không?

- Rà soát, cập nhật các văn bản pháp lý về quản lý chất thải rắn xây dựng (Thông tư 08/2017/TT-BXD về quản lý chất thải rắn xây dựng).



### \* Chương 1:

- Vị trí địa lý của dự án: Sơ đồ vị trí dự án cần thể hiện ở tỷ lệ lớn hơn để thấy rõ mối liên hệ vùng với các đối tượng xung quanh.
- Các đối tượng kinh tế xã hội: Bổ sung cụ thể các dự án xung quanh, liên hệ với dự án. Bổ sung thông tin cụ thể về 200 hộ dân phía Nam dự án là thuộc khu dân cư nào.
- Các hạng mục công trình: Bảng tổng hợp quy mô các hạng mục công trình cần phân định rõ hạng mục công trình chính và các công trình phụ trợ (điện, nước, thu – thoát nước mưa, nước thải, cây xanh, khu xử lý chất thải,...). Thống nhất và bổ sung thông tin về kho chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại. Các công trình bảo vệ môi trường: Dự án bố trí 01 nhà xưởng với diện tích  $38.400m^2$  nhưng chỉ bố trí 04 quạt công nghiệp để thông gió là chưa phù hợp. Đối với khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt cần nêu rõ được lưu chứa trong kho hay ngoài trời.
- Bổ sung thông tin chi tiết về biện pháp thi công, khối lượng thi công, hướng tuyến thi công các hạng mục công trình của dự án, trong đó cần nêu rõ quá trình thi công xây dựng có đào đất bóc nền đường, đào móng xây dựng thì có thải bỏ các loại đất yếu hay không, nếu có thì phương án đổ thải như thế nào?
- Nhu cầu nước cấp cho sản xuất: Bổ sung cơ sở áp dụng định mức nước dùng cho sản xuất đề xuất trong báo cáo.
- Công nghệ sản xuất nói chung: Dự án có 05 sản phẩm đầu ra thì cần làm rõ quy trình sản xuất của 05 loại sản phẩm này, mỗi loại sản phẩm có quy trình sản xuất giống hay khác nhau?
- Công nghệ đúc trong dây chuyền cát tươi tự động: Cần làm rõ hơn hoạt động của các công đoạn sản xuất, để chứng minh được đây là công nghệ cao, công nghệ hiện đại. Cụ thể, công đoạn làm sạch nguyên liệu cần mô tả máy phun bi hoạt động như thế nào, kín hay hở, tạp chất được lấy ra như thế nào,...Bổ sung chi tiết công đoạn đúc tạo phôi bằng lò cảm ứng trung tần (bổ sung thông tin về công suất của lò? Hoạt động liên tục hay gián đoạn? Trong quá trình đúc có phải thêm hóa chất gì vào vật liệu đúc hay không? Vật liệu nóng chảy được ra khuôn như thế nào? Lượng xỉ lò được lấy ra như thế nào? Đặc biệt công đoạn giải nhiệt sau nung được thực hiện như thế nào, hoàn toàn không có thông tin trong báo cáo). Nguyên liệu đầu vào của quá trình đúc là phế liệu hay nguyên liệu gì, nếu phế liệu thì thu mua trong nước hay nhập khẩu, công tác phân loại nguyên liệu trước khi đưa vào lò nung như thế nào, v.v. Bổ sung nhận diện dòng thải trên sơ đồ công nghệ đúc.
- Danh mục máy móc, thiết bị cho hoạt động của dự án: Số lượng các máy rất ít so với tổng công suất của dự án. Trong dây chuyền đúc cần giải thích rõ tên tiếng Việt các loại máy móc thiết bị có số thứ tự từ 1 đến 8. Dự án chỉ bố trí 01 lò trung tần 6 tấn trong khi tổng công suất dự án với sản phẩm đầu ra là 21.500 tấn/năm sản phẩm các loại là chưa phù hợp.

*[Handwritten signature]*



- Nguyên, nhiên liệu cho dự án: Tổng nhu cầu nguyên liệu chưa tương ứng với quy mô công suất của dự án, không đầy đủ với loại hình sản xuất của dự án.

- Chi phí bảo vệ môi trường cần được tổng hợp vào tổng chi phí của dự án.

- Nhân sự lao động dự án: Đây là dự án sản xuất có tính chất công nghệ cao, tuy nhiên lại dự kiến tuyển dụng lao động phổ thông thì chưa phù hợp với mục tiêu của dự án. Cần xem lại.

Nói tóm lại, nội dung nêu ở Chương 1 còn sơ sài, chưa phù hợp với mục tiêu của dự án, chưa thể hiện được nội dung chính của dự án là xây dựng Nhà máy đúc thép công nghệ cao, các điều kiện cần thiết để triển khai dự án (như biện pháp thi công, khối lượng thi công các hạng mục công trình; công nghệ sản xuất, nguồn nguyên liệu đầu vào, máy móc thiết bị, nguồn nhân lực,...).

### **\* Chương 2:**

- Địa chất thủy văn: Nội dung nêu về điều kiện thủy văn sông Đáy và sông Vạc, không phù hợp với tiêu mục là địa chất thủy văn. Cần bổ sung thông tin về hệ thống kênh điều hòa tiêu thoát nước của KCN Khánh Phú.

- Nước dưới đất: Nêu rất chung chung, không thể hiện được là thuộc vùng nào của tỉnh Ninh Bình. Cần nêu cụ thể về khu vực thực hiện dự án.

### **\* Chương 3:**

- Giai đoạn xây dựng:

+ Do chương 1 chưa có thông tin về biện pháp thi công, khối lượng thi công chưa có cơ sở nên các tính toán ô nhiễm trong quá trình xây dựng chưa có cơ sở, chưa phù hợp với dự án. Từ bổ sung các thông tin ở chương 1, cần tính toán ô nhiễm cho phù hợp ở chương 3.

+ Khí thải từ hoạt động hàn: Nhận diện và đánh giá không thống nhất: Nhận diện trong quá trình hàn sẽ phát sinh các khí oxit kim loại, tuy nhiên đánh giá mức độ ô nhiễm lại tính toán cho các khí vô cơ như CO, NO<sub>x</sub>. Cần thống nhất lại nội dung này.

+ Khí thải từ công đoạn sơn: Cần nhận diện trong thành phần VOC phát thải gồm những chất gì. Trong tính toán mới tính tải lượng ô nhiễm, chưa tính được nồng độ ô nhiễm để xác định mức độ tác động như thế nào. Cần tính toán thêm.

+ Tính toán nhu cầu nước dùng trong thi công: Cần tính toán theo khối lượng thi công chứ không tính toán trên cơ sở máy móc thi công. Bổ sung tính nhu cầu nước cho bảo dưỡng bê tông.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

+ Do chương 1 không có thông tin về công nghệ đúc, các thông tin đầu vào cho quá trình sản xuất còn sơ sài nên các tính toán ô nhiễm trong quá trình sản xuất của dự án là chưa phù hợp, như: Các tính toán các phát thải liên quan đến phân loại, bốc dỡ nguyên liệu; làm khuôn; phát thải ô nhiễm trong quá trình đúc, nấu chảy kim loại; làm sạch và hoàn thiện; cắt, đánh bóng trong báo cáo rất sơ sài, không có thông tin về tải lượng, thành phần, tính chất phát thải từ các hoạt động



này, không tính toán được lượng phát thải các chất ô nhiễm từ quy mô hoạt động của dự án. Không có đánh giá ô nhiễm từ quy trình sản xuất kết cấu thép. Cần thống nhất từ nội dung bổ sung ở chương 1 để có đánh giá ô nhiễm cho phù hợp.

+ Nguồn tác động không liên quan đến chất thải: Đánh giá mức ồn, độ rung cần đánh giá cụ thể ban ngày sẽ thực hiện những hoạt động gì, mức ồn, độ rung như thế nào; ban đêm gồm những hoạt động gì, mức ồn và độ rung như thế nào, vì chương 1 nêu nhà máy hoạt động 03 ca.

+ Đánh giá ô nhiễm nhiệt: Rất sơ sài. Cần đánh giá dựa trên lò đúc và các công đoạn sản xuất cụ thể của dự án để xác định mức nhiệt dư và khả năng ô nhiễm nhiệt tối đa trong các phân xưởng sản xuất.

#### **\* Chương 4:**

- Từ bổ sung các thông tin ở chương 1, đánh giá ô nhiễm môi trường ở chương 3 để bổ sung đề xuất các giải pháp giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án cho đầy đủ và phù hợp với tính chất của dự án. Các giải pháp đã đề xuất trong báo cáo thì cần xem lại các nội dung sau:

+ Giải pháp xử lý nước thải tập trung: Cần bổ sung công đoạn hồi nước rỉ từ bể chứa bùn về hệ thống xử lý nước thải.

+ Giải pháp xử lý bụi công đoạn trộn cát: Hệ thống thu bụi như thế nào, cần mô tả chi tiết.

+ Bổ sung biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình bốc dỡ nguyên liệu, phân loại nguyên liệu.

+ Bổ sung giải pháp giảm thiểu ô nhiễm từ quá trình chế tạo các sản phẩm của dự án (quá trình phun bi làm sạch, hàn, gia công,...).

+ Giải pháp khống chế ô nhiễm nhiệt: Cần có giải pháp chi tiết hơn, đặc biệt là tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm nhiệt cao như xưởng đúc.

#### **\* Chương 5:**

- Chương trình quản lý môi trường: Từ những nội dung chỉnh sửa, bổ sung ở các chương trên, cần cập nhật lại chương trình quản lý và giám sát môi trường cho phù hợp.

**\* Kết luận:** Đồng ý thông qua với điều kiện bổ sung chỉnh sửa.

**2.4.3. Ông Nguyễn Văn Sỹ, Phó Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ, Ủy viên Hội đồng:**

\*) Những nội dung đạt yêu cầu:

Bổ cục, nội dung theo đúng quy định hiện hành về báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Nhận diện được các nguồn tác động đến môi trường và đề xuất được một số giải pháp giảm thiểu các tác động trong quá trình thi công và khi hoạt động.

\*) Những nội dung cần được chỉnh sửa, bổ sung:



- Báo cáo chưa phản ánh đầy đủ được các yêu cầu về thông tin đối với loại hình sản xuất đúc thép công nghệ cao trong đó yêu cầu thiết phản ánh được xuất xứ công nghệ, trình độ công nghệ, so sánh về ưu điểm quy mô tính chất của công nghệ trình độ công nghệ và đặc biệt lưu ý đến các yếu tố phát thải ra môi trường tác động xấu đến các điều kiện tự nhiên, hệ sinh thái của khu vực nhà máy đề cập đến tình hình sử dụng nguyên, nhiên liệu vật tư nhất là hóa chất trong quá trình vận hành của dự án. Đồng thời chưa phản ánh nổi bật được những yếu tố chính là chất thải chủ yếu cơ bản của dây truyền đúc thép công nghệ cao trình bày làm cơ sở lựa chọn công nghệ xử lý nước thải, khí thải và chất thải sử dụng trong dây truyền công nghệ sản xuất thép công nghệ cao và ưu nhược điểm của công nghệ xử lý chất thải, khí thải được áp dụng.

- Báo cáo chưa xây dựng và ban hành danh mục sản phẩm thép đúc là sản phẩm chính của dây truyền thép đúc công nghệ cao, là phôi thép sẵn hay là thép cấu hình có kích thước chủng loại theo tiêu chuẩn hoặc là sản phẩm thép đúc theo đặt hàng cụ thể trong đó dự kiến về số lượng, chất lượng và những đặc trưng kỹ thuật cơ bản khác.

- Báo cáo cần xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, ngăn ngừa rủi ro, khắc phục sự cố được cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt và dự kiến các chương trình kế hoạch tập huấn, kiểm tra an toàn vệ sinh lao động, phòng chống sự cố cháy nổ, đối với công nhân lao động, vận hành các quy trình, thông tin sản xuất, vận hành máy móc thiết bị và đưa ra các quy trình về tiêu chuẩn kiểm soát thiết bị, an toàn lao động liên quan đến nôi hơi, đồng thời áp lực, thiết bị an toàn đóng ngắt.

\* **Kết luận:** Đồng ý thông qua với điều kiện bổ sung chỉnh sửa.

**2.4.4. Ông Đào Thanh Tân, Trưởng phòng kỹ thuật an toàn và môi trường, Sở Công thương, Ủy viên Hội đồng:**

\*) Những nội dung đạt yêu cầu:

Bố cục, nội dung cơ bản theo đúng quy định hiện hành về báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Mô tả tóm tắt được nội dung cơ bản của dự án, đánh giá được hiện trạng môi trường nền khu vực thực hiện dự án.

Nhận diện được các nguồn tác động đến môi trường và đề xuất được một số giải pháp giảm thiểu các tác động trong quá trình thi công và khi hoạt động.

Xây dựng được chương trình quản lý và giám sát môi trường.

\*) Những nội dung cần được sửa đổi, bổ sung:

1/ Phần mở đầu:

- Nội dung tóm tắt dự án dài, nhiều đoạn phân tích, trích dẫn thừa; và theo phần này: đơn vị tư vấn lập ĐTM là “Công ty cổ phần Môi trường Lương Tài”??

- Mọi quan hệ của dự án với các quy hoạch...(trang 2): đề nghị bỏ Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 14/6/2013; Quyết định 709/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch phát triển thương mại.



- Căn cứ pháp lý: Nghị định 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 đã được thay thế bằng Nghị định 113/2017/NĐ-CP; Phần này nhiều căn cứ pháp lý không cần thiết.

## 2/ Chương I: Mô tả dự án:

- Xem lại nội dung mô tả tương quan của dự án với khu dân cư.  
- Mục tiêu dự án: Làm rõ mục tiêu (Sản xuất sản phẩm gì, công suất cụ thể?)  
; Xem lại nội dung mục tiêu thứ 2.

- Quy mô hạng mục công trình: Xem lại công suất trạm biến áp, là 250 KVA (trang 17) hay 4 máy 2500KVA (trang 27); nếu 01 máy 250 KVA không đủ công suất dự án, nếu 4 máy 2500KVA diện tích đất 24 m<sup>2</sup> (trang 15 ) không đủ để xây dựng, lắp đặt trạm.

- Chưa quy hoạch kho chứa nguyên liệu, vật tư, khu vực làm khuôn, nấu luyện, làm sạch sản phẩm sau khi đúc, khu gia công các kết cấu thép, kho sản phẩm...

- Nhu cầu sử dụng nước (được cập nhật 2 lần) để phục vụ sản xuất được thông kê trên cơ sở nào?

- Sơ đồ công nghệ đúc: tên sơ đồ chưa phù hợp công nghệ; chưa nhận diện các phát thải của các công đoạn sản xuất; thực hiện mô tả công nghệ đúng theo trình tự thực hiện trong sơ đồ khối.

- Sơ đồ công nghệ và mô tả quá trình sản xuất kết cấu thép chưa đầy đủ và không phù hợp.

- Máy và thiết bị thi công: xem lại nguồn gốc, xuất xứ thiết bị.

- Danh mục máy, thiết bị phục vụ sản xuất: nhiều thiết bị không rõ ràng, thiếu thiết bị đo lường, kiểm soát mức thép.

- Nguyên vật liệu phục vụ dự án: xem lại khối lượng đá, sử dụng 17.000m<sup>2</sup> tôn tấm dày 12,8 mm; 2,5 tấn sơn để làm gì?

- Nguyên liệu phục vụ sản xuất: dùng 1.200lit dầu DO/năm cho xe nâng; nhưng danh mục thiết bị không có xe này.

- Xem lại nhu cầu về chất lượng lao động: “Lao động phổ thông, một số có tay nghề qua đào tạo, còn lại là lao động tốt nghiệp phổ thông trung học...”?

## 2/ Chương III: Đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án

- Phần mô tả công nghệ sai hoặc chưa đầy đủ nên phần nhận diện và đánh giá tải lượng phát thải chưa đầy đủ;

- Chưa nhận diện đầy đủ phát thải và tải lượng các phát thải từ hoạt động sản xuất sản phẩm đúc.

- Chưa nhận diện và đánh giá tải lượng từ hoạt động sản xuất kết cấu thép.

- Bổ sung sự cố trong quá trình nấu luyện và rót thép.

- Làm rõ sự cố Hóa chất có thể xảy ra ở công đoạn nào?

## 3/ Chương IV: Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu



- Các nội dung chưa được đề cập hoặc nhận diện trong Chương III chưa đưa ra được giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu, ứng phó trong chương này đề nghị bổ sung, chỉnh sửa.

- Xem xét sự phù hợp của việc sử dụng hệ thống lọc bụi túi để lọc bụi lò luyện thép (có nhiệt độ khí thải cao).

\* **Kết luận:** Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa bổ sung.

**2.4.5. Ông Tô Văn Lưu, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện Yên Khánh, Ủy viên Hội đồng:**

\*) Những nội dung đạt yêu cầu:

- Nhìn chung báo cáo đã đánh giá được những nguồn ô nhiễm đến môi trường trong quá trình xây dựng và khi dự án đi vào hoạt động sản xuất và đưa ra các biện pháp xử lý.

\*) Những nội dung cần được sửa đổi, bổ sung:

- Hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn của dự án rãnh thoát nước nêu cụ thể hơn.

- Các hạng mục xử lý môi trường còn 1 số nội dung chung chung, chưa cụ thể cần nêu rõ ràng hơn.

- Chưa xử lý rác thải từ khu vực kho chung 250 m<sup>2</sup>. Nên tách cụ thể từng khu vực rác thải, từng loại rác thải để phân loại xử lý, tự sản xuất hay chuyển đến bãi rác do ký kết với các đơn vị môi trường.

- Có biện pháp xử lý cụ thể hơn đối với khu vực thu gom chất thải, vật liệu phế thải hơn.

\* **Kết luận:** Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa bổ sung.

**2.4.6. Bà Vũ Thị Phượng, Chuyên viên Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Sở Khoa học công nghệ, Ủy viên Hội đồng:**

\*) Những nội dung đạt yêu cầu:

Bố cục, nội dung cơ bản theo đúng quy định hiện hành về báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Mô tả tóm tắt được nội dung cơ bản của dự án, đánh giá được hiện trạng môi trường nền khu vực thực hiện dự án.

Nhận diện được các nguồn tác động đến môi trường và đề xuất được một số giải pháp giảm thiểu các tác động trong quá trình thi công và khi hoạt động.

Xây dựng được chương trình quản lý và giám sát môi trường.

\*) Những nội dung cần được sửa đổi, bổ sung:

**Phần mở đầu:**

Mục xuất xứ của dự án: Báo cáo đã trình bày thực trạng sự phát triển của ngành cơ khí Việt nam trong những năm gần đây tuy nhiên cần cập nhật, bổ sung đánh giá thực trạng theo căn cứ mới nhất là Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày



15/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ thay thế cho Quyết định số 186/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2002.

Đề nghị nêu rõ đây là dự án nhà máy đúc thép công nghệ cao với loại hình sản phẩm nào? Công suất là bao nhiêu? Thay vì trình bày một cách không cụ thể là nhà máy đúc công nghệ cao như trong báo cáo.

Trang 9: Nêu cụ thể các thành viên của chủ dự án tham gia trong quá trình thực hiện báo cáo kèm chữ ký thay vì trình bày một cách chung chung.

### Chương I:

Trang 14: Về mục tiêu của dự án chưa mang tính chất định tính, định lượng, trình bày một cách chung chung là các sản phẩm cơ khí chất lượng cao nhưng không rõ là loại hình sản phẩm nào? Công suất bao nhiêu? Đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật nào? Đáp ứng bao nhiêu % nhu cầu thị trường trong nước, bao nhiêu % xuất khẩu và sang thị trường nào?

Xem lại số liệu hạng mục kho chất thải 300 hay 200 m<sup>2</sup>? Diện tích kho lưu giữ chất thải nguy hại và kho chứa chất thải rắn thông thường (tổng diện tích 2 kho là 200m<sup>2</sup> nhưng kích thước mỗi kho là 4x6m).

Sơ đồ công nghệ chưa chỉ dẫn các nguồn phát thải, đề nghị bổ sung.

Quy trình công nghệ: đề nghị bổ sung trình bày về một số công nghệ đúc thép, lý do chọn công nghệ đúc trong dây chuyền cát tươi, mô tả chi tiết hơn về công nghệ của dự án để làm rõ tính công nghệ cao như đã trình bày các phần trên.

Cần làm rõ công đoạn chuẩn bị cát, chuẩn bị nguyên liệu nấu chảy thực hiện các công việc gì? Có thực hiện quá trình nghiền nguyên liệu hay không?

Trang 29: Cần nêu rõ các nguyên liệu xuất xứ ở đâu? Cơ sở nào đưa ra lượng nguyên liệu trong Bảng 1.6?

Trang 30: Vốn đầu tư bảo vệ môi trường cần được chỉ rõ trong số mức vốn đầu tư dự án.

### Chương II:

Trang 42: Các mẫu không khí, đất lấy phục vụ đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường khu vực thực hiện dự án không có chỉ dẫn về tọa độ. Ngày phân tích là ngày 18/1/2019 sau ngày hoàn thành báo cáo? Bổ sung các đánh giá về hiện trạng chất lượng nước mặt, nước ngầm khu vực thực hiện dự án.

### Chương III:

Về đánh giá tác động đến môi trường không khí trong giai đoạn vận hành: báo cáo mới đánh giá các tác động đến môi trường từ quá trình đúc thép, chưa đánh giá các tác động đến môi trường trong quá trình sản xuất kết cấu thép. Các đánh giá chỉ mang tính định tính, chưa mang tính định lượng tuy nhiên cũng mới dừng lại ở mức độ chung chung, chưa cụ thể.

Về phần nước thải sinh hoạt: Chưa tính được lượng nước thải của nhà bếp do đó tính sai tổng lượng nước thải phát sinh.

Xem lại lượng nước làm mát là 20m<sup>3</sup>/ngày có chính xác không?





#### **Chương IV:**

Bụi, khí thải phát sinh từ các công đoạn làm sạch, đồ khuôn, tách xỉ được đánh giá là cao, tuy nhiên không có biện pháp xử lý, giảm thiểu.

Việc bố trí một hệ thống xử lý có đảm bảo giảm thiểu được các tác động đến môi trường không khí của toàn bộ nhà xưởng không?

Xem lại công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung là  $10\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  có đáp ứng được lượng thải của nhà máy là  $12,6\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  không?

Xem lại diện tích kho chứa chất thải rắn sản xuất  $250\text{m}^2$  có chính xác không?

\* **Kết luận:** Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa bổ sung.

**2.4.7. Ông Bùi Minh Đăng, chuyên viên phòng Môi trường - Ban Quản lý các KCN, Ủy viên Hội đồng:**

\*) Những nội dung đạt yêu cầu:

- Cấu trúc báo cáo đã trình bày theo đúng hướng dẫn của thông tư 27/2015/TT-BTNMT.

- Nội dung báo cáo đã chỉ ra được các mặt tích cực về kinh tế xã hội, các tác động đến môi trường, khi xây dựng và vận hành dự án. Dự báo được các nguồn, tải lượng chất gây ô nhiễm và nêu ra các biện pháp xử lý

- Báo cáo đã dự báo được những sự cố rủi ro và các biện pháp phòng ngừa trong quá trình xây dựng và vận hành của dự án.

\*) Những nội dung cần được sửa đổi, bổ sung:

\* **Phần mở đầu:**

- Cần làm rõ đơn vị tư vấn là công ty cp môi trường Lương Tài hay viện nghiên cứu phát triển vùng- trang 02?

- Các căn cứ pháp lý lập báo cáo ĐTM: Cần rà soát lược bỏ các văn bản hết hiệu lực (Nghị định 29/2008/NĐ-CP và nghị định 164/2013 đã được thay thế bằng nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018), bổ sung các văn bản liên quan đến dự án (Thông tư 31/2016/TT-BTNMT, thông tư 24/2017/TT-BTNMT,...).

- Bổ sung chữ ký của chủ dự án trong quá trình lập ĐTM, yêu cầu nêu rõ từng chương mục phụ trách đối với cá nhân tham gia lập ĐTM.

\* **Chương 1:**

- Sản phẩm của dự án: Cần có thông tin cụ thể các loại hình sản phẩm điển hình của dự án là gì (các chi tiết máy bao gồm những loại gì).

- Các hạng mục công trình: Bổ sung thông tin về khu nhà ở và nhà ăn. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường trong chương 1 nêu gọn lại, chỉ cung cấp các thông tin cơ bản về các thông số kỹ thuật của các công trình, còn biện pháp cụ thể sẽ được nêu ở chương 4.

- Công nghệ sản xuất đúc thép công nghệ cao Ninh Bình:



+ Cần bổ sung các nguồn thải phát sinh trên sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất.

+ Cần làm rõ hơn hoạt động của các công đoạn sản xuất, để thấy được đây là công nghệ cao, công nghệ hiện đại. Công đoạn làm sạch nguyên liệu cần mô tả máy phun bi hoạt động như thế nào, kín hay hở, tạp chất được lấy ra như thế nào,... Loại lò trung tần sử dụng là lò điện cảm ứng hay lò gì? Hoạt động liên tục hay gián đoạn? Trong quá trình đúc có phải thêm hóa chất gì vào vật liệu đúc hay không? Vật liệu nóng chảy được ra khuôn như thế nào? Lượng xỉ lò được lấy ra như thế nào? Bổ sung chi tiết công nghệ phun sơn.

- Danh mục máy móc, thiết bị cho hoạt động của dự án: Bổ sung thiết bị máy móc các lò trung tần, cho công đoạn phun sơn, sản xuất kết cấu thép...

- Bổ sung phương án bố trí ăn ở cho công nhân giai đoạn xây dựng dự án.

- Cần đưa ra cơ sở đánh giá nhu cầu sử dụng nước. Thống nhất tải lượng nước thải phát sinh giữa các chương là 8,1m<sup>3</sup>/ngày đêm hay 12,6m<sup>3</sup>/ngày đêm để làm cơ sở đưa ra các giải pháp xử lý phù hợp.

#### \* Chương 2:

- Các số liệu về điều kiện khí hậu, khí tượng: Cần cập nhật số liệu tại thời điểm lập báo cáo ĐTM.

- Địa chất: Cần làm rõ hồ sơ khảo sát địa chất khu vực là khu vực nào, do đơn vị nào thực hiện, thực hiện thời gian nào, theo biện pháp nào,....

- Bổ sung lấy mẫu không khí khu dân cư cạnh dự án.

- Bổ sung thông tin về hiện trạng KCN Khánh Phú: Hiện trạng thu hút các dự án đầu tư vào KCN, hiện trạng cơ sở hạ tầng KCN và hiện trạng các công trình cấp thoát nước, xử lý môi trường của KCN theo quy định tại Thông tư 27/2015/TT-BTNMT.

#### \* Chương 3:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Tính toán nhu cầu nước dùng trong thi công: Cần tính toán theo khối lượng thi công chứ không tính toán trên cơ sở máy móc thi công. Bổ sung tính nhu cầu nước cho bảo dưỡng bê tông.

+ Tính toán mức ồn và độ rung của các máy móc thi công: Còn thiếu rất nhiều máy móc thi công có phát sinh tiếng ồn và độ rung chưa được tính toán (máy đầm, ủi, cẩu, khoan, cắt,...).

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

+ Ô nhiễm không khí từ khu vực bãi tập kết ngoài trời: Cần đánh giá hoạt động này có tác động đến môi trường không khí như thế nào

+ Ô nhiễm môi trường từ công đoạn làm sạch thép: Dự báo ô nhiễm chưa căn cứ theo tổng lượng nhu cầu nguyên liệu cần làm sạch của dự án, do vậy chưa đủ chính xác để đánh giá mức độ ô nhiễm từ công đoạn này.



+ cần đánh giá cụ thể các loại bụi có thể phát sinh từ công đoạn gia công này có kích thước như thế nào, hàm lượng phát thải đối đa là bao nhiêu,...

+ Ô nhiễm từ quá trình hàn điện vật liệu kim loại: cần đánh giá dựa trên tổng nhu cầu của dự án

+ Công đoạn nhiệt luyện: Mới tính tải lượng bụi và khí thải ô nhiễm, chưa tính được nồng độ ô nhiễm do vậy chưa đủ cơ sở để đánh giá mức độ ô nhiễm so với quy chuẩn hiện hành.

+ Công đoạn sơn phủ: Cần làm rõ thành phần bụi sơn gồm những chất gì, nồng độ ô nhiễm tối đa là bao nhiêu theo nhu cầu sử dụng của dự án.

+ Nước mưa chảy tràn: Cần tính toán riêng lượng nước mưa chảy tràn qua bãi tập kết ngoài trời (phế liệu nếu có) để có phương án xử lý loại nước này.

- Nguồn tác động không liên quan đến chất thải: Đánh giá mức ồn, độ rung cần đánh giá cụ thể ban ngày sẽ thực hiện những hoạt động gì, mức ồn, độ rung như thế nào; ban đêm gồm những hoạt động gì, mức ồn và độ rung như thế nào, vì chương 1 nêu nhà máy hoạt động 03 ca.

#### \* Chương 4:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Sau bể tự hoại được thoát thải đi đâu, cần làm rõ.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Bãi chứa nguyên liệu: Cần phải được bê tông hóa sân bãi.

+ Đối với khu vực làm sạch: Cần phải mô tả chi tiết, cụ thể máy móc công nghệ cao như thế nào, thu hồi kim loại bằng phương pháp gì, quay vòng sử dụng tiếp cho lần sau là quay vòng cái gì (vật liệu làm sạch hay kim loại?).

+ Xử lý khí thải từ lò đúc phôi và nhiệt luyện: Cần xác định có bao nhiêu chụp hút đặt tại vị trí nào của các lò đúc và nhiệt luyện?

+ Xử lý khí thải trong quá trình sơn: Hệ thống dẫn dung môi sơn về hệ thống xử lý khí thải tập trung như thế nào? Màng chất lỏng là màng gì? Màng nước thì sẽ không xử lý được dung môi hữu cơ có trong khí thải. Cần phải thiết kế bộ lọc than hoạt tính cho khí thải trước khi qua tháp hấp thụ.

- Xử lý khí thải lò nấu: xử lý bằng lọc bụi túi vải mới nêu ra phương án để xử lý bụi, vậy các khí thải ( $\text{NO}_2$ ,  $\text{CO}$ ,  $\text{CO}_2$ , ...) khối kim loại được xử lý như thế nào?

- Do chưa nhận diện và có những đánh giá, tính toán về định lượng nguồn thải phát sinh từ công đoạn sản xuất kết cấu thép nên chưa có giải pháp để xử lý những nguồn thải này.

+ Xử lý khí thải khu vực nhà bếp nấu ăn: Phải có phin lọc mỡ và than hoạt tính lọc mùi khí thải nhà bếp.

+ Cần mô tả chi tiết, rõ ràng hơn về công nghệ xử lý nước thải SBR làm nổi bật, rõ hơn về tác dụng của bể SBR.

*Handwritten signature*



ồn, độ rung: Cần cụ thể các giải pháp cho ban ngày và ban đêm.

**\* Chương 5:**

- Chương trình quản lý môi trường: Từ những nội dung chỉnh sửa, bổ sung ở các chương trên, cần cập nhật lại chương trình quản lý môi trường cho phù hợp. Trong giai đoạn thi công bổ sung cơ quan giám sát là Ban quản lý các KCN tỉnh Ninh Bình.

- Chương trình giám sát môi trường: Giai đoạn thi công bổ sung giám sát nước thải sinh hoạt. Điều chỉnh tần suất giám sát giai đoạn này là 3 tháng/lần. Giai đoạn hoạt động, nước thải sau hệ thống xử lý tập trung phải đạt cả cột B, QCVN 40:2011/BTNMT; bổ sung giám sát môi trường không khí các cửa phát thải sau hệ thống xử lý (có bao nhiêu cửa phát thải thì có bấy nhiêu vị trí giám sát).

**\* Kết luận:** Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa bổ sung.

**2.4.8. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban quản lý các KCN, Ủy viên Thư ký:**

\* Những nội dung đạt yêu cầu:

Báo cáo lập theo đúng bố cục quy định tại thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015.

Báo cáo đã nhận diện, tính toán lượng chất thải làm ảnh hưởng đến môi trường và đề ra biện pháp xử lý.

\* Những nội dung cần được sửa đổi, bổ sung:

- Bổ sung hóa chất xử lý nước thải sinh hoạt và nguyên liệu bếp ăn cho 180 người công nhân, lao động nhà máy?

- Về công nghệ sản xuất chủ yếu trên hai dây truyền công nghệ: Đúc thép và sản xuất kết cấu thép; cần mô tả cụ thể lò điện trung tần công suất mẽ, bố trí bao nhiêu lò điện, vị trí lắp đặt thiết bị chính. Các thiết bị xử lý bụi, khí độc hại lò điện trung tần;

- Sơ đồ công nghệ đúc: tên sơ đồ chưa phù hợp công nghệ; chưa nhận diện các phát thải của các công đoạn sản xuất; thực hiện mô tả công nghệ đúng theo trình tự thực hiện trong sơ đồ khối.

- Sơ đồ công nghệ và mô tả quá trình sản xuất kết cấu thép chưa đầy đủ và không phù hợp.

- Xem lại mô tả hiện trạng và đặc biệt về mô tả dự án tiếp giáp với đường cao tốc tại hai hướng là sai, đề nghị điều chỉnh cho phù hợp.

- Xem xét lại phần kiến nghị (ở đây Ban Quản lý các KCN thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM dự án).

- Trang 30 Bảng 1.7 Nhu cầu về sử dụng nhiên liệu khác của dự án, đề nghị xem lại cột Nhu cầu cấp nước lại là gas, dầu mỡ bôi trơn, dầu thủy lực, dầu DO.

- Xem lại tổng mức đầu tư tại trang 30 và 31 cho thống nhất.

- Cần mô tả chi tiết, rõ ràng hơn về công nghệ xử lý nước thải.



- Mô tả rõ hơn về kết cấu thép.

\* **Kết luận:** Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa bổ sung.

### **2.5. Ý kiến của Công ty PTHH khu công nghiệp**

- Mô tả hiện trạng KCN cần xem lại cụ thể như: Vị trí địa lý....

- Xây dựng nhà xưởng phải đúng với diện tích đất.

- Diện tích cây xanh phải đúng theo quy định

### **2.5. Ý kiến phản hồi của chủ dự án:**

Chủ dự án nhất trí với nhận xét của các thành viên hội đồng.

## **3. Kết luận phiên họp**

**3.1. Trần Đức Cường - Phó Ban quản lý các KCN, Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp công bố kết luận của hội đồng thẩm định:**

### **3.1.1. Những nội dung của Báo cáo ĐTM đạt yêu cầu:**

- Cấu trúc nội dung Báo cáo thực hiện theo đúng hướng dẫn và quy định tại Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường .

- Đánh giá, dự báo được những tác động cơ bản đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình và dự án đi vào hoạt động.

- Đưa ra được các biện pháp phòng ngừa giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Chủ đầu tư đã cam kết về các giải pháp biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành của dự án theo những chỉ tiêu cụ thể về khí thải, nước thải, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, về các công trình xử lý môi trường, có chương trình quản lý, giám sát môi trường.

### **3.1.2. Những nội dung của báo cáo ĐTM cần chỉnh sửa, bổ sung:**

Đề nghị nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo ĐTM theo các ý kiến cụ thể của các ủy viên Hội đồng, trong đó tập trung vào các vấn đề chính sau:

- Các căn cứ pháp lý lập báo cáo ĐTM: Cần rà soát lược bỏ các văn bản hết hiệu lực (Nghị định 29/0008/NĐ-CP, nghị định 164/2013), bổ sung các văn bản liên quan đến dự án (Thông tư 31/2016/TT-BTNMT, thông tu 24/2017/TT-BTNMT,...).

- Đề nghị chủ đầu tư kiểm tra lại mặt bằng cho thống nhất và phù hợp.

- Các số liệu chỉnh sửa cho khớp, lượng hóa toàn bộ số liệu.

- Kiểm tra, chỉnh sửa bổ sung đầy đủ hiện trạng.

- Xem lại sơ đồ công nghệ.

- Nêu các biện pháp nguồn thải cho phù hợp (lượng nước thải 12,6 m<sup>3</sup>/ngày đêm mà khu xử lý có công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Đề nghị chỉnh sửa.

- Ô nhiễm từ quá trình hàn điện vật liệu kim loại: cần đánh giá dựa trên tổng nhu cầu của dự án



- Công đoạn nhiệt luyện: Mới tính tải lượng bụi và khí thải ô nhiễm, chưa tính được nồng độ ô nhiễm do vậy chưa đủ cơ sở để đánh giá mức độ ô nhiễm so với quy chuẩn hiện hành.

- Công đoạn sơn phủ: Cần làm rõ thành phần bụi sơn gồm những chất gì, nồng độ ô nhiễm tối đa là bao nhiêu theo nhu cầu sử dụng của dự án.

- Các thông tin đầu vào cho quá trình sản xuất còn sơ sài nên các tính toán ô nhiễm trong quá trình sản xuất của dự án là chưa phù hợp, như: Các tính toán các phát thải liên quan đến phân loại, bóc dỡ nguyên liệu; làm khuôn; phát thải ô nhiễm trong quá trình đúc, nấu chảy kim loại; làm sạch và hoàn thiện; cắt, đánh bóng trong báo cáo rất sơ sài, không có thông tin về tải lượng, thành phần, tính chất phát thải từ các hoạt động này, không tính toán được lượng phát thải các chất ô nhiễm từ quy mô hoạt động của dự án. Không có đánh giá ô nhiễm từ quy trình sản xuất kết cấu thép. Cần thống nhất từ nội dung bổ sung ở chương 1 để có đánh giá ô nhiễm cho phù hợp.

- Giải pháp xử lý nước thải tập trung: Cần bổ sung công đoạn hồi nước rỉ từ bể chứa bùn về hệ thống xử lý nước thải.

- Giải pháp xử lý bụi công đoạn trộn cát: Hệ thống thu bụi như thế nào, cần mô tả chi tiết.

- Bổ sung biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình bóc dỡ nguyên liệu, phân loại nguyên liệu.

- Bổ sung giải pháp giảm thiểu ô nhiễm từ quá trình chế tạo các sản phẩm của dự án (quá trình phun bi làm sạch, hàn, gia công,...).

- Giải pháp không chế ô nhiễm nhiệt: Cần có giải pháp chi tiết hơn, đặc biệt là tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm nhiệt cao như xưởng đúc.

- Chỉnh sửa lỗi nhập, sao chép văn bản.

### **3.2. Ý kiến của chủ dự án về kết luận của hội đồng:**

Chủ dự án đồng ý với kết luận của Chủ tịch hội đồng và nhất trí sẽ chỉnh sửa, bổ sung các nội dung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định.

### **4. Kết quả kiểm phiếu thẩm định:**

4.1. Số phiếu thông qua báo cáo không cần chỉnh sửa, bổ sung: 0

4.2. Số phiếu thông qua báo cáo với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: 9

4.3. Số phiếu không thông qua báo cáo: 0

### **5. Ông Trần Đức Cường Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc phiên họp**

**THƯ KÝ HỘI ĐỒNG**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**Nguyễn Mạnh Hùng**

**Trần Đức Cường**



